TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 474/2026/DS-PT Ngày: 14 - 07 - 2026 V/v Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản và chia di sản thừa kế	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh;

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt;

Bà Đinh Cẩm Đào.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Ngô Thuỷ Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản và chia di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 205/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Võ Văn B, Sinh năm: 1958 (có mặt).

Căn cước công dân số: 096058004789; cấp ngày: 22/05/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là: Ấp P, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn B: Ông Lê Vũ N, sinh năm:1990; Căn cước công dân số: 096090010359; cấp ngày: 22/11/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là: Ấp A, xã T, tỉnh Cà Mau) (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/6/2025) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Văn B: Ông Lê Thường V, là Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Minh T, sinh năm: 1976.

Căn cước công dân số: 096076000590; cấp ngày: 09/04//2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Khóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là: Khóm D, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Minh T: Bà Nguyễn Tố N1, sinh năm 1995; Căn cước công dân số 096195005865; cấp ngày: 13/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại: Ấp A, xã Đ, tỉnh Cà Mau (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/4/2026) (có mặt).

2. Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1961.

Căn cước công dân số: 096162006013; cấp ngày: 02/07/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là: Khóm C, xã C, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Đ: Ông Võ Minh T, sinh năm: 1976; cư trú tại: Khóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là: Khóm D, xã Đ, tỉnh Cà Mau) (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/8/2025) (có đơn xét xử vắng mặt).

3. Bà Võ Thị V1, sinh năm: 1965; cư trú tại: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là: Ấp P, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

Căn cước công dân số: 096169014064; cấp ngày: 22/06/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị V1: Ông Võ Minh T, sinh năm: 1976; cư trú tại: Khóm D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là: Khóm D, xã Đ, tỉnh Cà Mau) (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/8/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Thị H, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là: Ấp T, xã N, tỉnh Cà Mau).

2. Ông Võ Văn M, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là: Khóm A, xã P, tỉnh Cà Mau).

3. Bà Võ Thị Đ1, sinh năm 1975; cư trú tại: khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là: Khóm B, xã C, tỉnh Cà Mau); Căn cước công dân số: 096175013754; cấp ngày: 30/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Người đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Đ1: Ông Lê Vũ N, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp A, xã T, tỉnh Cà Mau (theo Giấy ủy quyền ngày 22/6/2026).

4. Ông Võ Văn N2 (Võ Hoàng N3), sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau (Nay là: Ấp R, xã N, tỉnh Cà Mau)

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn N2 (Võ Hoàng N3): Ông Võ Văn H1, sinh năm: 1986; Cư trú tại: Ấp X, xã Đ, tỉnh Cà Mau (theo Giấy ủy quyền ngày 29/8/2025) (có đơn xét xử vắng mặt).

5. Ông Võ Văn V2, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh Cà Mau (Nay là: Ấp D, xã N, tỉnh Cà Mau).

6. Bà Võ Thị C, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là: Ấp T, xã H, tỉnh Cà Mau).

7. Bà Võ Thị Á, sinh năm 1954 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Á:

7.1 Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

7.2. Anh Nguyễn Thanh X, sinh năm 1975 (vắng mặt).

7.3 Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1969 (vắng mặt).

7.4 Chị Nguyễn Kim A, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là: Khóm B, xã C, tỉnh Cà Mau).

7.5 Chị Nguyễn Kim H2, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là: Khóm C, xã C, tỉnh Cà Mau).

8. Bà Võ Thị H3, sinh năm 1956 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị H3:

8.1 Anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là: Ấp V, xã P, tỉnh Cà Mau).

8.2 Anh Nguyễn Sơn B2, sinh năm 1991 (vắng mặt).

8.3 Anh Nguyễn Sơn T3, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là: Ấp P, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

8.4 Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là: Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau).

8.5 Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp M, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (Nay là: Ấp M, xã T, tỉnh Cà Mau).

8.6 Chị Nguyễn Thị C1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là: Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau).

8.7 Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (Nay là: Ấp P, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn B là nguyên đơn; ông Võ Văn N2 (Võ Hoàng N3) và bà Võ Thị Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Văn B (do người đại diện theo ủy quyền trình bày) xác định:

Cha mẹ ông là cụ Võ Minh M1 và cụ Trần Thị M2 tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng phần đất nuôi trồng thủy sản tại ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau), được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) diện tích 67.180m² (diện tích đo đạc thực tế khoảng 90.300m²) do cụ Trần Thị M2 đứng tên.

Khoảng năm 2011, khi cha mẹ đã lớn tuổi và bị mù, gia đình họp thống nhất giao cho ông Võ Minh T quản lý khoảng 3,3 ha đất; phần diện tích còn lại vẫn thuộc quyền sử dụng của cha mẹ. Tuy nhiên, bà Võ Thị V1, bà Võ Thị Đ và ông Võ Minh T đã lợi dụng việc cha mẹ già yếu, không nhìn thấy để lập các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, gồm: Bà Võ Thị V1 được đứng tên diện tích khoảng 2,6 ha; bà Võ Thị Đ được đứng tên diện tích khoảng 1,1 ha; ông Võ Minh T được đứng tên diện tích khoảng 2,0 ha.

Ông B cho rằng các giao dịch trên không thể hiện đúng ý chí của cụ Trần Thị M2, được xác lập trong điều kiện cụ M2 không còn khả năng nhận biết đầy đủ nội dung giao dịch nên yêu cầu tuyên hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Trần Thị M2 với ông Võ Minh T, bà Võ Thị Đ và bà Võ Thị V1; sau khi hủy các hợp đồng thì chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tranh chấp. Các đương sự thống nhất diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc thực tế là 60.936,2m² và thống nhất giá trị là 2.700.000.000 đồng.

Bị đơn ông Võ Minh T không đồng ý yêu cầu khởi kiện. Ông trình bày phần đất tranh chấp do cha mẹ tạo lập nhưng khi còn sống cụ Trần Thị M2 đã nhiều lần phân chia tài sản cho các con. Ông được cha mẹ cho khoảng 3,3 ha từ trước; sau đó cụ M2 tiếp tục tặng cho bà Võ Thị V1 diện tích khoảng 2,6 ha, bà Võ Thị Đ diện tích khoảng 1,1 ha và phần diện tích còn lại được chuyển cho ông. Việc lập các hợp đồng tặng cho hoàn toàn do cụ M2 tự nguyện, khi cụ còn minh mẫn, có sự thống nhất của các anh chị em trong gia đình; việc sử dụng hình thức tặng cho nhằm thuận lợi trong thủ tục sang tên. Ông không đồng ý hủy các hợp đồng tặng cho và không đồng ý chia thừa kế vì cho rằng tài sản đã được định đoạt hợp pháp trước khi cha mẹ qua đời.

Bà Võ Thị Đ và bà Võ Thị V1 thống nhất với ý kiến trình bày của ông Võ Minh T, cho rằng các hợp đồng tặng cho được thực hiện đúng ý chí của cụ Trần Thị M2; sau khi cha mẹ qua đời không còn di sản là các phần đất đang tranh chấp để chia thừa kế.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến không thống nhất.

Bà Võ Thị H, ông Võ Văn V2, ông Võ Văn M, bà Võ Thị C cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Võ Thị Á và bà Võ Thị H3 đều cho rằng cụ

Trần Thị M2 đã tự nguyện phân chia tài sản cho các con khi còn sống nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B.

Ông Võ Văn N2 và bà Võ Thị Đ1 cho rằng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là tài sản chung của cha mẹ; việc các hợp đồng tặng cho được lập trong điều kiện cụ M2 đã già yếu, bị mù nên không phản ánh đúng ý chí của cụ. Hai ông bà thống nhất với yêu cầu của ông Võ Văn B về việc hủy các hợp đồng tặng cho và chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau) đã quyết định (tóm tắt);

Không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho của ông Võ Văn B đối với việc tặng cho đất giữa cụ Trần Thị M2 với bà Võ Thị Đ, bà Võ Thị V1 và ông Võ Minh T. Không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Võ Văn B đối với diện tích đất theo đo đạt thực tế là 60.936,2m^2 do bà Võ Thị Đ đứng tên 26.000m^2 thửa số 88, bà Võ Thị V1 đứng tên 11.000m^2 thửa số 87 và ông Võ Minh T đứng tên 20.000m^2 thửa số 80 tờ bản đồ số 11.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 và ngày 09 tháng 5 năm 2025 ông Võ Văn B ông Võ Văn N2 (Võ Hoàng N3) bà Võ Thị Đ1 kháng cáo cùng nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B.

Ngày 12/5/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cà Mau) kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị hủy bản án để giải quyết lại với lý do cho rằng cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa làm rõ nguồn gốc tài sản, việc xác lập các hợp đồng tặng cho và còn bỏ sót việc xem xét một số chứng cứ, người tham gia tố tụng có liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Vũ N thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư Lê Thường V trình bày: 03 hợp đồng tặng cho ông T, bà Đ, bà V1 không phải ý chí tự nguyện của cụ M2 và cụ M1; hồ sơ cho tặng bị giả chữ ký của cụ M2; Tài sản cụ M2 và cụ M1 để lại bao nhiêu, cấp sơ thẩm chưa làm rõ; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho T che dấu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 1.700.000.000 đồng; tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 1.700.000.000 đồng là tiền chung của vợ chồng ông T nhưng cấp sơ thẩm không đưa vợ ông T tham gia tố tụng. Từ những thiếu sót trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Nguyễn Tố N1 trình bày: Về nguồn gốc đất, hợp đồng cho tặng tại cấp phúc thẩm đã thu thập đầy đủ; nguyên đơn cho rằng chữ ký của cụ M2 là giả nhưng

giám định xác định không đủ cơ sở kết luận chứ không xác định chữ ký là giả; tại cấp sơ thẩm các bên đã thống nhất giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 2.700.000.000 đồng, không yêu cầu định giá; tại cấp phúc thẩm, bà Đinh Thị Mai L1 là vợ ông Võ Minh T thống nhất ý kiến của chồng, bà L1 xin không tham gia tố tụng. Từ những tình tiết trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Cà Mau), hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau), giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Võ Văn B và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau), Hội đồng xét xử thấy đơn kháng cáo và quyết định kháng nghị được thực hiện trong thời hạn luật định, đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 và 278 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với kháng cáo của ông Võ Văn N2 (Võ Hoàng N3) và bà Võ Thị Đ1, tuy tại cấp sơ thẩm không có yêu cầu độc lập nhưng ông N3, bà Đ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Võ Minh M1 và cụ Trần Thị M2. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế, có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích mà ông N3, bà Đ1 cho rằng mình được hưởng. Vì vậy, ông N3 và bà Đ1 có quyền kháng cáo theo Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết, cấp sơ thẩm đã xác định, thực hiện đúng quy định.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Võ Văn B, ông Võ Văn N2 và bà Võ Thị Đ1, Hội đồng xét xử thấy:

Các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp do cụ Võ Minh M1 và cụ Trần Thị M2 nhận chuyển nhượng, tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, sau đó được cấp Giấy CNQSDĐ đứng tên cụ Trần Thị M2.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất trước khi chết, cụ M2 đã nhiều lần phân chia quyền sử dụng đất cho các con.

Theo hồ sơ địa chính và Công văn số 335/CNVPĐKĐĐ ngày 15/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N, từ Giấy CNQSDĐ đứng tên cụ M2 đã thực hiện thủ tục tách thửa, đăng ký biến động và cấp Giấy CNQSDĐ cho ông Võ Minh T, bà Võ Thị V1, bà Võ Thị Đ đối với các phần đất tranh chấp. Việc đăng ký biến động hoàn tất trước khi cụ M2 chết.

Như vậy, các giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất đã được xác lập, đăng ký và hoàn thành việc chuyển quyền theo quy định của pháp luật đất đai và pháp luật dân sự.

[3] Ông B, ông N2 và bà Đ1 cho rằng cụ M2 bị mù, tuổi cao, sức khỏe yếu nên không thể tự mình xác lập các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, chữ ký, điểm chỉ trong hợp đồng bị giả mạo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại thời điểm xác lập giao dịch, cụ M2 là người cao tuổi và bị khiếm khuyết về thị lực. Tuy nhiên, bị mù hoặc tuổi cao không đồng nghĩa với mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo các Điều 22, 23 và 24 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không có tài liệu, chứng cứ thể hiện cụ M2 bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; cũng không có hồ sơ bệnh án, kết luận giám định y khoa hoặc tài liệu chuyên môn chứng minh khi lập hợp đồng cụ M2 không còn khả năng nhận thức, làm chủ hành vi.

Mặt khác, các giao dịch được thực hiện ở nhiều thời điểm, đã hoàn tất thủ tục đăng ký biến động và cấp Giấy CNQSDĐ cho người nhận tặng cho. Trong thời gian cụ M2 và cụ M1 còn sống, không có khiếu nại, tố cáo hoặc yêu cầu hủy các giao dịch này.

Do đó, chỉ căn cứ việc cụ M2 bị mù hoặc tuổi cao để cho rằng các hợp đồng tặng cho vô hiệu là không có căn cứ.

[3.2] Đối với việc ông B, ông N2 và bà Đ1 cho rằng chữ ký, điểm chỉ của cụ M2 trong các hợp đồng tặng cho bị giả mạo.

Theo yêu cầu của ông B, tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của cụ M2 trên các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để bảo đảm việc giải quyết vụ án khách quan, toàn diện.

Kết luận giám định xác định không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên tài liệu cần giám định và chữ ký mẫu có phải do cùng một người ký hay không.

Kết luận giám định chỉ thể hiện không đủ cơ sở khoa học để kết luận, chứ không xác định chữ ký bị giả mạo hoặc không phải của cụ M2. Vì vậy, đây không phải là chứng cứ chứng minh các hợp đồng được lập giả hoặc trái với ý chí của cụ M2.

Ngoài lời trình bày và lời khai của một số người trong gia đình, những người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh hợp đồng bị giả mạo hoặc cụ M2 không trực tiếp xác lập giao dịch.

Do đó, không có căn cứ cho rằng các hợp đồng tặng cho vô hiệu do giả mạo chữ ký hoặc giả mạo ý chí của người tặng cho.

[3.3] Đối với yêu cầu của người đại diện của nguyên đơn về việc trưng cầu giám định lại chữ ký mang tên cụ Võ Minh M1 và cụ Trần Thị M2 trong các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoản 5 Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật Giám định tư pháp đều quy định việc giám định lại được thực hiện khi có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc có vi phạm pháp luật. Kết luận giám định số 415/KL-KTHS ngày 17/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh C xác định đối với một số nội dung chưa đủ cơ sở kết luận người ký. Trong trường hợp này, nguyên đơn chỉ không đồng ý với kết quả chưa xác định được người ký, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc có vi phạm pháp luật

Bên cạnh đó, qua đối chiếu hồ sơ, các tài liệu được nguyên đơn liệt kê làm mẫu so sánh đều là những tài liệu đã có trong hồ sơ và đã được xem xét khi giám định lần đầu. Nguyên đơn không giao nộp thêm mẫu chữ ký, chữ viết mới có giá trị so sánh. Do đó, việc tiếp tục trưng cầu một cơ quan khác giám định lại trên cùng đối tượng và cùng hệ thống mẫu so sánh cũng không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc chưa đủ cơ sở kết luận.

Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định lại của nguyên đơn.

[4] Ngoài ra, Hội đồng xét xử còn nhận thấy: Diện tích đất tranh chấp được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên có cơ sở xác định là tài sản chung của cụ M1 và cụ M2 theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án thể hiện cụ M1 biết việc phân chia đất cho các con. Các đương sự thừa nhận cụ M1 và cụ M2 đã thống nhất giao cho ông Võ Minh T quản lý khoảng 3,3 ha; sau đó cụ M2 tiếp tục tặng cho các phần đất còn lại cho bà Võ Thị V1, bà Võ Thị Đ và ông T. Khi các giao dịch được thực hiện, cụ M1 còn sống nhưng không phản đối, không yêu cầu hủy giao dịch hoặc tranh chấp các phần đất đã chuyển quyền.

Vì vậy, không có căn cứ xác định các hợp đồng tặng cho vô hiệu chỉ vì Giấy CNQSDĐ đứng tên cụ M2, trong khi đất có nguồn gốc là tài sản chung của vợ chồng.

[5] Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 05/7/2022 (bút lục 112), nguyên đơn trình bày ông Võ Minh T nói đã mua đất của cha mẹ với giá 1.700.000.000 đồng nhưng đến khi cụ M2, cụ M1 chết vẫn chưa thanh toán. Ông B cũng trình bày các anh chị em nhiều lần yêu cầu ông T giao số tiền này để phân chia nhưng ông không đồng ý.

Lời trình bày của ông B nêu trên cho thấy: Nguyên đơn cho rằng ông T có nghĩa vụ thanh toán 1.700.000.000 đồng theo giao dịch chuyển nhượng để các anh chị em chia thừa kế di sản của cụ M2 và cụ M1. Điều này thể hiện quan điểm của nguyên đơn chưa thống nhất về bản chất quan hệ pháp luật.

Việc ông T chưa thanh toán số tiền này (nếu có căn cứ), chỉ làm phát sinh tranh chấp về quyền, nghĩa vụ tài sản giữa các bên, không đương nhiên làm vô hiệu các hợp đồng tặng cho đã được xác lập, đăng ký quyền sử dụng đất.

[6] Trong vụ án này, nguyên đơn chỉ yêu cầu hủy các hợp đồng tặng cho và chia di sản thừa kế, không yêu cầu buộc ông T thanh toán 1.700.000.000 đồng hoặc giải quyết tranh chấp phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung này trong cùng vụ án.

Trường hợp ông B hoặc các đồng thừa kế cho rằng số tiền 1.700.000.000 đồng là di sản của cụ M1, cụ M2 hoặc là nghĩa vụ của ông T thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Về việc nguyên đơn cho rằng đưa thiếu vợ ông T tham gia tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành ghi nhận ý kiến của bà Đinh Thị Mai L1 là vợ ông Võ Minh T, bà L1 trình bày bà và ông T đã giao 1.700.000.000 đồng cho bà Võ Thị Đ để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất; bà thống nhất ý kiến của chồng là ông T, bà không có ý kiến khác và xin không tham gia tố tụng.

Do vụ án không giải quyết tranh chấp đối với số tiền 1.700.000.000 đồng và bà Đinh Thị Mai L1 từ chối tham gia tố tụng nên cấp sơ thẩm không đưa bà L1 tham gia tố tụng là không thiếu sót.

[8] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau) cho rằng cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa làm rõ nguồn gốc đất, việc xác lập các hợp đồng tặng cho và còn thiếu người tham gia tố tụng, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy:

[8.1] Cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ về quyền sử dụng đất; lấy lời khai của các đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; xác định đầy đủ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ M1, cụ M2 và những người thừa kế thế vị của bà Võ Thị Á, bà Võ Thị H3 tham gia tố tụng. Những người vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ.

Tuy cấp sơ thẩm còn thiếu sót trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ, như chưa thu thập đầy đủ hồ sơ, tài liệu về việc cụ M2 tặng cho quyền sử dụng đất cho các con; việc đánh giá một số chứng cứ và lập luận trong bản án chưa đầy đủ, chưa làm rõ hết các tình tiết tranh chấp. Đây là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã xem xét toàn diện hồ sơ, thu thập bổ sung chứng cứ cần thiết, trưng cầu giám định theo yêu cầu của đương sự và đánh giá chứng cứ theo Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những thiếu sót của cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất vụ án, không ảnh hưởng đến tính đúng đắn của phán quyết nên không có căn cứ hủy bản án sơ thẩm.

[8.2] Đối với ý kiến cho rằng cần tiếp tục xác minh nguồn gốc đất và việc đăng ký biến động quyền sử dụng đất, Hội đồng xét xử nhận thấy nguồn gốc đất không phải là tình tiết có tranh chấp. Các bên đều thống nhất đất do cụ M1, cụ M2 tạo lập trong thời kỳ hôn nhân; việc cụ M2 đứng tên Giấy CNQSDĐ, sau đó tách thửa, đăng ký biến động và cấp Giấy CNQSDĐ cho ông T, bà Đ, bà V1 đã được thể

hiện trong hồ sơ địa chính và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận. Vì vậy, việc tiếp tục xác minh nguồn gốc đất không làm thay đổi bản chất vụ án.

[8.3] Đối với ý kiến cho rằng cần xác minh người đang thuê hoặc đang sử dụng phần đất tranh chấp để đưa tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử thấy rằng việc cho thuê đất, nếu có, phát sinh sau khi quyền sử dụng đất đã được sang tên cho người nhận chuyển quyền. Người thuê không tham gia xác lập các hợp đồng tặng cho, cũng không có quyền, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho và chia di sản thừa kế. Vì vậy, cấp sơ thẩm không đưa người thuê đất tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ xác định các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Trần Thị M2 với ông Võ Minh T, bà Võ Thị Đ và bà Võ Thị V1 vô hiệu.

Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn B, ông Võ Văn N2 (Võ Hoàng N3), bà Võ Thị Đ1; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn (do Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập thêm chứng cứ theo như kháng nghị nêu); giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Văn B, ông Võ Văn N2 (Võ Hoàng N3) được miễn án phí do là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí. Bà Võ Thị Đ1 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn B, ông Võ Văn N2 (Võ Hoàng N3) và bà Võ Thị Đ1.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau) về việc đề nghị thu thập chứng cứ, không chấp nhận phần kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Cà Mau).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho của ông Võ Văn B đối với việc tặng cho đất giữa cụ Trần Thị M2 với bà Võ Thị Đ, bà Võ Thị V1 và ông Võ Minh T và không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Võ Văn B đối với diện tích đất theo đo đạt thực tế là 60.936,2m^2 do bà Võ Thị Đ đứng tên 26.000m^2 thửa số 88, bà Võ Thị V1 đứng tên

11.000m^2 thửa số 87 và ông Võ Minh T đứng tên 20.000m^2 thửa số 80 tờ bản đồ số 11.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Võ Văn B phải chịu ông B có nghĩa vụ liên hệ với Công ty TNHH P để thanh lý hợp đồng và chi phí đo đạc theo hợp đồng đã ký.

3. Về án phí dân sự

- Án phí sơ thẩm: Do ông Võ Văn B là người cao tuổi nên được miễn.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Võ Văn B, ông Võ Văn N2 (Võ Hoàng N3) được miễn do là người cao tuổi.

Bà Võ Thị Đ1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 14/5/2025 bà Đ1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014426 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đinh Cẩm Đào	**Châu Minh Nguyệt**	**Đỗ Cao Khánh**

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 5- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 5- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 5 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao Khánh